

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH
CHI TIẾT DANH MỤC CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU, CƠ CHẾ
QUẢN LÝ THU, CHỈ ĐỐI VỚI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

1. Đối với văn bản ban hành mới

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. - Điểm b, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chỉ đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chỉ đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 2. Đối tượng áp dụng a) Trẻ em mầm non, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông (gọi tắt là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập. b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh Gia Lai quản lý. c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. 1. Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. 2. Cơ chế quản lý thu, chi a) Cơ sở giáo dục công lập thỏa thuận với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh về mức thu cụ thể đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục công lập nhưng không vượt quá mức thu quy

[illegible]

Phụ lục

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Thuyết minh
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
I	Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục						
1	Dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN ngày thứ 7 và trong thời gian nghỉ hè	Ngàn đồng/trẻ/ngày	30				Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.
2	Dịch vụ ăn bán trú	Ngàn đồng/học sinh/ngày	30	35	35	35	- Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp): 26 ngàn. (tăng do giá thị trường tăng). Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí. - Học sinh phổ thông: tăng 5 ngàn so với trẻ mầm non (cỗ em học sinh phổ thông lớn hơn trẻ mầm non, nòn cỗ em cần cung cấp thức ăn nhiều hơn so với trẻ mầm non).

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Thuyết minh				
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông					
							Bảng so sánh mức chi tiền ăn cho 01 trẻ/ngày (thời điểm tháng 9/2024 so với tháng 9/2025)				
							STT	Nội dung Chi	Số tiền/trẻ/ngày	Số tiền/trẻ/ngày	Chênh lệch năm 2024 so với 2025
							I	Tiền ăn (30.000 đồng/trẻ/ngày): ăn trưa, ăn xế được tính cân đối các chất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiền gas	26.000	30.000	13,33%
								Chi tiết			
							1	Sữa uống sáng sau thể dục: (8000 đồng, sữa dinh dưỡng Metacare sữa bột pha sẵn)	6.933	8.000	13,33%
							2	Bữa trưa (12.500 đồng): Cơm, canh và thức ăn mặn: Gạo tẻ máy; các loại rau củ quả; thịt bò, thịt lợn, xương lợn, trứng, tôm, cua, cá, gà, đậu lạc, mè vừng,... Gạo: 2.000 đồng Thịt heo, thịt bò, gà, tôm, cá....: 7.000 đồng Rau: 3.500 đồng	10.833	12.500	13,33%

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Thuyết minh				
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông					
							3	Bữa xế (7.000 đồng, ăn sau ngủ trưa) : - Thịt heo, thịt bò, thịt gà, tôm tươi, trứng cút, trứng vịt, lươn, bò câu,...: 5.000 đồng - Gạo, bún, phở, bánh canh, Mì Quảng, Nui, đậu xanh, nấm rơm, bánh mì, bột, gấc: 2.000 đồng	6.067	7.000	13,33%
							4	Chất đốt (gas phục vụ nấu ăn)	1.300	1.500	13,33%
							5	Gia vị: muối, mắm, đường, hạt nêm, hành, ngò, tỏi, rau thơm...	867	1.000	13,33%
3	Dịch vụ tổ chức bán trú						Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.				
	- Dịch vụ tổ chức bán trú năm thứ nhất	Ngàn đồng /học sinh/tháng	161	161	161	161	Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)				
	- Dịch vụ tổ chức bán trú từ năm thứ hai	Ngàn đồng /học sinh/tháng	119	119	119	119	Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)				

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Thuyết minh
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
4	Dịch vụ hợp đồng nhân viên nấu ăn	Ngàn đồng /học sinh/tháng	137	137	137	137	Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp). Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.
5	Nước uống	Ngàn đồng/học sinh/tháng	5	5	5	5	- Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp). Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.
II	Dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục						
1	Hoạt động tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh (01 hoạt động tương đương 01 tiết dạy)	Ngàn đồng /trẻ/tiết	10				Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.
2	Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Ngàn đồng/học sinh/hoạt động	200	200	200	200	- Mức thu tham khảo theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp); - Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT về việc Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Thuyết minh
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
	(tham quan, trải nghiệm...)						Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.
3	Hoạt động giáo dục kỹ năng sống (Aerobic, võ cổ truyền, bơi lội, mỹ thuật, âm nhạc, toán tư duy, ...; 01 hoạt động tương đương 01 tiết dạy)	Ngàn đồng/học sinh/tiết	10	10			- Khảo sát nhu cầu cha mẹ học sinh; - Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT về việc Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. - Mức thu tham khảo hoạt động tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh (Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND). - Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.
4	Dịch vụ đưa đón học sinh	Ngàn đồng/km	Không	Không	Theo thỏa thuận bảo đảm phù hợp với	Theo thỏa thuận bảo đảm phù hợp với quy	Tham khảo theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp). Không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa cấu thành trong học phí.

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu				Thuyết minh
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
					quy định pháp luật	định pháp luật	